

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1 - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, ông Vương Quốc Quỳ

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà ngày 19/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984.

Nơi thường trú: Thôn P1, xã T, huyện T1, tỉnh H.

Chỗ ở: Trạm bơm thôn K, xã T, huyện T1, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1986.

Nơi thường trú: Thôn P1, xã T, huyện T1, tỉnh H.

Chị P, anh M đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh H ngày 16-01-2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng chị ở thôn P1, xã T được khoảng 1 năm thì ra ở riêng. Vợ chồng sống vui vẻ được khoảng 6-7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh M bỏ bịch ngoại tình, về đánh chửi vợ con. Trước đây, chị đã có 02 lần làm đơn xin ly hôn anh M gửi Toà án huyện T1 giải quyết, nhưng anh M xin lỗi nhiều lần, hứa sửa chữa, chị nghĩ thương con nên rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó tình cảm vợ chồng chỉ cải thiện được 1 -2 tháng đầu, anh M vẫn tiếp tục ngoại tình khiến chị không thể chấp

nhận. Do vợ chồng cùng làm ở xí nghiệp Trạm bơm, nên cơ quan có tạo điều kiện cho gia đình anh chị ở tại nhà của Trạm bơm để tiện trông coi, do mâu thuẫn căng thẳng nên đến tháng 7/2023 anh M đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Quang Minh, sinh ngày 22/10/2010 và Trần Bảo An, sinh ngày 18/7/2015. Hiện cháu Minh ở với bố, cháu An ở với mẹ. Ly hôn, chị được biết cháu Minh có nguyện vọng xin ở với bố, cháu An xin ở với mẹ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một con, cụ thể: anh M tiếp tục nuôi cháu Minh, chị tiếp tục nuôi cháu An, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay chị và anh M vẫn làm nhân viên của Trạm bơm, thu nhập hàng tháng khoảng 06 triệu đồng, có nơi ở ổn định. Chị cam kết đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn M trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị P trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng, anh thừa nhận mình đã có một số hành động chơi bời sai trái, nhưng đó chỉ là những phút giây nông nổi, anh xác định không bao giờ bỏ vợ bỏ con. Trước đây, chị P đã từng 02 lần làm đơn xin ly hôn anh gửi lên Tòa án, rồi lại rút đơn. Sau đó quan hệ vợ chồng có cải thiện được khoảng vài tháng, nhưng lại xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2023, hiện nay anh và cháu Minh đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh ở thôn P1, xã T. Thời gian ly thân, anh có tìm chị P nói chuyện xin tha thứ, nhưng chị P đuổi anh đi. Nay chị P kiên quyết xin ly hôn thì đó là ý kiến của chị ấy, còn anh vẫn không đồng ý ly hôn. Lý do là vì anh vẫn còn yêu vợ, anh mong chị P tha thứ để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị P vẫn quyết định ly hôn thì đó là ý kiến riêng của chị P, còn anh vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị P trình bày. Nguyện vọng của anh là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi con. Nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn và đề nghị mỗi người nuôi 1 con thì anh cũng phải chịu, anh không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, có nơi ở ổn định. Bố mẹ anh còn khỏe, hỗ trợ anh chăm sóc con cái. Anh cũng làm ở xí nghiệp Trạm bơm, thu nhập chính khoảng 04 triệu đồng/1 tháng, ngoài ra anh còn có thu nhập thêm vì anh còn làm thêm công việc khác ở nhà.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P và anh M đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải

quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn M; Về con chung: Giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Bảo An, sinh ngày 18/7/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Quang Minh, sinh ngày 22/10/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn M đăng ký thường trú tại thôn P1, xã T, huyện T1, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh H. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh H ngày 16-01-2010, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị P, anh M và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không tin tưởng nhau về lòng chung thủy gây nên những nỗi đau, tổn thương, rạn nứt lớn trong tình cảm vợ chồng. Chị P đã từng có hai lần làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết ly hôn với anh M, nhưng vì anh M đã xin lỗi, hứa thay đổi nên chị P rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống chung vẫn không được cải thiện do anh M tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mâu thuẫn càng thêm căng thẳng, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, anh M nhiều lần xin lỗi và động viên vợ rút đơn về nhưng chị P không đồng ý. Đến nay anh M xác định vẫn còn yêu vợ, không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành, anh M không thuyết phục được chị P về chung sống đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị P kiên quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng nhau, không có tiếng nói chung và tình cảm không còn hướng về nhau, trong khi đó hôn nhân chỉ hạnh phúc khi có sự xây dựng và vun

đáp từ hai phía. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị P được ly hôn anh M là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P, anh M có hai con chung là Trần Quang Minh, sinh ngày 22/10/2010 và Trần Bảo An, sinh ngày 18/7/2015. Hiện cháu Minh ở với bố, cháu An ở với mẹ.

Xét thấy: chị P, anh M đều làm ở xí nghiệp Trạm bơm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, đều có đủ điều kiện để nuôi con. Trong thời gian anh chị sống ly thân, cháu Minh ở với bố và ông bà nội, cháu An ở với mẹ, đến nay các cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống nên cần đảm bảo sự ổn định, tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý và sinh hoạt, học tập của các cháu. Đồng thời, cháu Minh cũng có nguyện vọng xin ở với bố, cháu An xin ở với mẹ. Từ nhận định trên, HĐXX giao con Trần Quang Minh cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con Trần Bảo An cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị P, anh M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn M.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Quang Minh - sinh ngày 22/10/2010 cho anh Trần Văn M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Trần Bảo An - sinh ngày 18/7/2015 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh M, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001552 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh H. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1;
- Chi cục THA dân sự huyện T1;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T1, tỉnh H .
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân